

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ CÙ  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HS-ST

Ngày 10 - 12- 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thanh và ông Tô Sỹ Thái;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2020/TLST-HS ngày 15/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Hữu N**, sinh năm 1989; nơi sinh và đăng ký HKTT: Thôn M, xã M1, huyện T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Vương Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị D (đã ly hôn, tại phiên tòa Nhiên khai ly thân) và chưa có con; tiền án: Ngày 15/5/2019 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên xử phạt 12 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy (ra trại ngày 25/01/2020); tiền sự: Ngày 07/5/2020 bị Công an huyện B, Hải Dương xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Ngày 29/9/2020 bị Công an huyện P1 xử phạt hành chính về hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác; ngày 14/8/2020 Nguyễn Hữu N bị Công an quận Long Biên, Hà Nội khởi tố điều tra về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; bị can Nguyễn Hữu N bị tạm giữ ngày 11/8/2020 và tạm giam từ ngày 14/8/2020 đến nay và hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an Hà Nội theo các quyết định tạm giam của cơ quan tố tụng quận Long Biên, Hà Nội về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, “được trích xuất, áp giải và có mặt tại phiên tòa”.

**- Bị hại:** Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1981; trú tại: Thôn V, xã T1, huyện P1, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

**- Người có quyền lợi liên quan vụ án:** Ông Lâm Ngọc T2, sinh năm 1960; trú tại: Thôn H, xã T3, huyện T, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Vương Văn Th1, sinh năm 1985; trú tại: Thôn V, xã T1, huyện P1, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

+ Anh Nguyễn Tiến Th2, sinh năm 1987; trú tại: Thôn H, xã T3, huyện T, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 18/7/2020, anh Trần Văn Tr ở thôn V, xã T1, huyện P1, tỉnh Hưng Yên chở con đi bóc long nhãn ở trong thôn. Trước khi đi, anh Tr để chiếc máy cắt cỏ loại cầm tay, khoác vai có nhãn hiệu ECHO EGT260 màu trắng xanh tại hè giáp với sân và không khóa cổng. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, anh Tr về nhà kiểm tra thì phát hiện chiếc máy cắt cỏ trên đã bị mất. Chiếc máy cắt cỏ này anh Tr mua tại một cửa hàng ở cầu Chéo, thuộc thôn T4, xã T5, huyện P1, tỉnh Hưng Yên với giá 3.300.000 đồng. Cơ quan điều tra quản lý một máy cắt cỏ cầm tay khoác vai do ông Lâm Ngọc T2 ở thôn H, T3, T, Hưng Yên tự nguyện giao nộp.

Ngày 31/7/2020 Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Cừ làm việc với Nguyễn Hữu N sinh năm 1989 ở thôn M, xã M1, huyện T, tỉnh Hưng Yên và N thừa nhận chiếc máy cắt cỏ nêu trên đúng là chiếc máy cắt cỏ mà N đã trộm cắp của nhà anh Trần Văn Tr có họ hàng với nhà N.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 19/KL-HĐ ngày 31/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P1 kết luận: 01 máy cắt cỏ loại cầm tay, khoác vai có nhãn hiệu ECHO EGT260 màu trắng xanh, tổng chiều dài là 1,8m, máy đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 18/7/2020 có giá trị là 2.200.000 đồng.

Kết quả điều tra Nguyễn Hữu N khai nhận: Sáng ngày 18/7/2020 N cùng với một nam thanh niên không rõ tên, tuổi là bạn nghiện ở thôn Tr1, xã T6, huyện K, tỉnh Hưng Yên rủ nhau đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Người bạn nghiện dùng xe mô tô không rõ biển kiểm soát chở N xuống thôn V, xã T1, huyện P1 trộm cắp tài sản. Do có quen biết với anh Trần Văn Tr nên cả hai đến nhà anh Tr để trộm cắp tài sản. Khi đến cổng nhà anh Tr, quan sát cổng nhà anh Tr không khóa, N bảo người bạn nghiện dùng xe đứng ngoài đợi, còn N đi đến gần cổng nhà anh Tr thì gặp anh Vương Văn Th1 cùng thôn với anh Tr có quen biết N nên N và anh Th1 nói chuyện với nhau vài câu thì anh Th1 đi vào vườn nhãn nhà anh Th1. N đi vào trong sân nhà anh Tr gọi to không có ai trả lời. Quan sát tại vị trí trên nhà ngang nhà anh Tr có một chiếc máy cắt cỏ đang để ở trên hè, N đã lên lút lấy trộm chiếc máy cắt cỏ trên rồi đi ra cổng lên xe mô tô của người bạn nghiện đang chờ ở ngoài cổng nổ máy tẩu thoát. N và người bạn nghiện đi đến xã T3, T để bán. Khi đến đoạn đường thuộc thôn H, T3 thì gặp anh Nguyễn Tiến Th2 ở thôn H, xã T3, huyện T, tỉnh Hưng Yên đang đứng ở ven đường trước một trạm sửa máy bơm N nói muốn bán chiếc máy cắt

cỏ trên thì được anh Th2 trả giá 500.000 đồng, sau trả tăng lên 550.000 đồng nhưng N không bán. Lúc đó có ông Lâm Ngọc T2 thấy vậy trả giá nên 600.000 đồng N đồng ý bán. Sau đó N và người bạn nghiện nhận tiền đã đi đến thị trấn K1, huyện B, Hải Dương dùng hết số tiền trên mua ma túy và sử dụng hết.

Việc ông Lâm Ngọc T2 mua chiếc máy cắt cỏ, khi bán N nói dối là máy của bố N nay không dùng nữa nên bán, ông T2 không biết nguồn gốc chiếc máy cắt cỏ là do N trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với nam thanh niên là bạn nghiện N khai không rõ tên, tuổi và chiếc xe mô tô đi trộm cắp tài sản là của bạn nghiện, cơ quan điều tra đã rà soát, xác minh trên địa bàn theo lời khai của N, nhưng không xác định được nam thanh niên trên là ai và xe mô tô trên ở đâu, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người bán ma túy cho N và việc sử dụng ma túy của N, do N không nhớ được đặc điểm, tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không đủ căn cứ xem xét xử lý.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản trên, ngày 14/8/2020 Nguyễn Hữu N bị Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội khởi tố điều tra về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với chiếc máy cắt cỏ loại cầm tay, khoác tay có nhãn hiệu ECHO FGT260 màu trắng xanh là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn Tr, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho anh Tr đã nhận lại và không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lâm Ngọc T2 không yêu cầu N bồi thường số tiền 600.000 đồng mua chiếc máy cắt cỏ.

Tại Cáo trạng số: 28/CT-VKSPC ngày 14/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Hữu N về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của bị cáo N theo nội dung cáo trạng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; trách nhiệm dân sự do người bị hại, và người có quyền lợi liên quan không yêu cầu nên không xem xét; số tiền 600.000 đồng bán máy cắt cỏ là tiền do phạm tội mà có cần truy thu của N để tịch thu sung quỹ Nhà nước; bị cáo N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Nguyễn Hữu N nhận tội, khai báo thành khẩn diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ truy tố theo nội dung cáo trạng. Bị cáo N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Cù, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo, bị hại, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của Nguyễn Hữu N tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án; đồng thời phù hợp với lời khai của bị hại anh Trần Văn Tr; lời khai của người có quyền lợi liên quan vụ án ông Lâm Ngọc T2; lời khai của các người làm chứng là anh Vương Văn Th1 và Nguyễn Tiên Th2; vật chứng thu giữ là 01 chiếc máy cắt cỏ cầm tay, khoác vai nhãn hiệu ECHO EGT260 màu trắng xanh và kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ ngày 18/7/2020 Nguyễn Hữu N và bạn nghiện đi xe mô tô đến nhà anh Trần Văn Tr có quan hệ quen biết ở thôn V, xã T1, huyện P1, tỉnh Hưng Yên chơi, lợi dụng việc nhà anh Tr không có người ở nhà, cổng không khóa nên Nguyễn Hữu N đã đi vào sân nhà anh Tr thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Trần Văn Tr 01 chiếc máy cắt cỏ loại cầm tay, khoác vai nhãn hiệu ECHO FGT260 màu trắng xanh tổng chiều dài 1,8m, có giá trị là 2.200.000 đồng mang đi bán lấy tiền mua chất ma túy sử dụng. Bị cáo Nguyễn Hữu N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo N thực hiện như phân tích ở phần trên đã có đủ dấu hiệu cấu thành Tội trộm cắp tài sản. Tài sản bị cáo N chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000 đồng, do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Hữu N về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là chính xác, có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây mất trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo N có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý; ngoài ra bị cáo còn nhiều lần bị Công an huyện Bình Giang, Hải Dương và Công an huyện Tiên Lữ, Hưng Yên xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, nên bị cáo N phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Trong khi cơ quan điều tra Công an huyện Phù Cù, Hưng Yên đang điều tra vụ án trộm cắp tài sản, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo N không nghiêm chỉnh chấp hành mà lại tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Công an quận Long Biên, Hà Nội khởi tố, tạm giam để điều tra về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, điều đó chứng tỏ bị cáo N có thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ

nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra và cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian cần thiết để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe phong ngừa tội phạm chung.

[4]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị thiệt hại không lớn và cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại chủ sở hữu; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai báo thành khẩn; có ông nội là liệt sỹ và bố mẹ bị cáo ly hôn, bản thân bị cáo phải sống với bà nội là vợ của liệt sỹ, nên Nguyễn Hữu N được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo N không có việc làm ổn định, nghiện chất ma túy và không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Lâm Ngọc T2 là người có quyền lợi liên quan đã mua chiếc máy cắt cỏ của bị cáo N một cách ngay tình với giá 600.000 đồng, tài sản đã bị thu hồi trả cho bị hại. Nay ông T2 tự nguyện không yêu cầu bị cáo N bồi thường khoản tiền mua chiếc máy cắt cỏ của bị cáo N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong bản án này.

[6]. Biên pháp tư pháp: Khoản tiền Nguyễn Hữu N bán chiếc máy cắt cỏ cho ông Lâm Ngọc T2 được 600.000 đồng, nay ông T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền này; xét đây là khoản tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần phải truy thu để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu N là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Hữu N phạm Tội trộm cắp tài sản.

**Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử phạt** bị cáo Nguyễn Hữu N 01 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo thi hành hình phạt của bản án này.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với bị cáo N.

**Biện pháp tư pháp:** Truy thu của bị cáo Nguyễn Hữu N 600.000đ, (sáu trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có, cho tịch thu sung quỹ Nhà nước.

**Án phí:** Bị cáo Nguyễn Hữu N phải chịu 200.000đ, (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi liên quan vụ án. Đã báo cho bị cáo biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại và người có quyền lợi liên quan vụ án biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo N;
- Bị hại: Anh Tr;
- Người có QLLQVA: Ông T2;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- CQĐT & VP CA huyện Phù Cừ;
- CQTHA Hình sự & THA dân sự huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Hiền**